PHỤ LỤC 2

NHU CẦU GẠO HỖ TRỢ CHO HỌC SINH, HỌC VIÊN THEO NGHỊ ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

ĐỢT 3 NĂM HỌC 2026 - 2027

(Kèm theo Báo cáo số 556/BC-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Trà Bồng)

Số TT	Tên địa phương	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ				Định mức hỗ trợ/học sinh (kg gạo)	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ (1000kg)	Trong đó			Ghi chú
		Tổng số	Học sinh Tiểu học và THCS tại các trường PTDT bán trú, nội trú: TH, THCS và THPT)	Học sinh TH và THCS thuộc đối tượng bán trú ở khu vực điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn học ở trường khu vực III hoặc khu vực II	Học sinh THPT				Số gạo tồn kho năm học 2025-2026 đề nghị khấu trừ (1000kg)	Tổng số gạo đã hỗ trợ đợt 1 (theo QĐ 693/QĐ/UBND ngày 26/8/2026 và đợt 2 theo Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 (1000kg)	Tổng số gạo đề nghị hỗ trợ Đợt 3 và 4 học kì IInăm học 2026-2027 (1000kg)	
1	*2*	3=4+5+6	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=3x7x8*	*10*	*11*	*12=9-10-11*	*12*
1	**XÃ TRÀ BỒNG**	**1.049**	**248**	**801**	**-**	**15**	**5**	**142,125**	**0,060**	**78,570**	**63,495**	
	CẤP TIỂU HỌC	0						-		-	-	
1	Trường PTDTBT Tiểu học&THCS Trà Sơn (tiểu học)	232		232		15	9	31,320	0,060	16,590	14,670	
2	Trường PTDTBT Tiểu học&THCS Trà Sơn(tiểu học)	15		15		15	10	2,250		1,170	1,080	HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
3	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Thuỷ (tiểu học)	137		137		15	9	18,495		9,525	8,970	
4	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Thuỷ (tiểu học)	19		19		15	10	2,850		1,710	1,140	HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS							-		-	-	
5	Trường PTDTBT Tiểu học&THCS Trà Sơn (THCS)	230		230		15	9	31,050		18,375	12,675	
6	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Thuỷ	168		168		15	9	22,680		12,600	10,080	
7	Trường PT DTNT THCS Trà Bồng	248	248			15	9	33,480		18,600	14,880	